

Số: 510/2023/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 14 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào **Điều** 55, 58, 59, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 384/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Võ Tiến Đ**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Đường N, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Đường N, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2015 thì ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L là vợ chồng hợp pháp. ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L.

- Về con chung: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L có 02 con chung là Võ Lê Hoàng P, sinh ngày 30/11/2015 và Võ Lê Quỳnh A, sinh ngày 05/01/2021. Khi

ly hôn, hai bên thỏa thuận ông Võ Tiến Đ nuôi dưỡng trẻ Võ Lê Gia Phúc, bà Lê Thị L nuôi dưỡng trẻ Võ Lê Quỳnh A, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L có 02 con chung là Võ Lê Hoàng P, sinh ngày 30/11/2015 và Võ Lê Quỳnh A, sinh ngày 05/01/2021. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận ông Võ Tiến Đ nuôi dưỡng trẻ Võ Lê Gia Phúc, bà Lê Thị L nuôi dưỡng trẻ Võ Lê Quỳnh A, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí thuận tình ly hôn: Ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L phải chịu lệ phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do ông Võ Tiến Đ và bà Lê Thị L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0009227 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND Phường B, quận C, TP. Hồ Chí Minh;
(GCNKH số 46, quyền số 01/2015 cấp ngày 23/3/2015)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trí